TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HUẾ** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **13**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 10/02/2023
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ - TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Huế.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Trực và bà Trần Thị Bích Thủy.

***-Thư ký phiên toà*:** Bà Bùi Thị Huyền Trang, Thư ký Toà án nhân dân thành phố Huế.

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế tham gia phiên toà*:** Ông Trương Công Khanh, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Huế (số 60 Nguyễn Huệ - Huế) xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 604/2022/TLST-HNGĐ ngày 24/8/2022; Về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2023/QĐST- HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hà Thị Thanh T, sinh năm 1975; địa chỉ: 09 đường H, phường T, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

Bị đơn: Anh Hồ Văn P, sinh năm 1977; địa chỉ: 09 đường H, phường T, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 05/8/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị Hà Thị Thanh T đều trình bày:

Chị và anh Hồ Văn Phụng kết hôn tự nguyện, đã được UBND phường T, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế chứng nhận kết hôn vào ngày 29/11/2000. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống với nhau tại 09 đường H, phường T, thành phố Huế. Qúa trình chung sống hạnh phúc được một khoảng thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh P ham chơi, không quan tâm gì đến gia đình, con cái, có dấu hiệu ngoại tình nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Đến đầu năm 2022 thì vợ chồng chị sống ly thân, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn anh P để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị T khai chị và anh P có 03 con chung là Hồ Ngọc Phương T, sinh ngày 05/4/2001, Hồ Văn Quốc V, sinh ngày 03/7/2003 và Hồ Văn Quốc V, sinh ngày 25/6/2013. Nếu ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc,

nuôi dưỡng cháu V và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu T và cháu V, hiện đều đã thành niên nên việc ở với ai là quyền của các cháu.

Về tài sản chung: Chị T khai vợ chồng chị sẽ tự giải quyết với nhau và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị T khai vợ chồng chị không có nợ chung.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/01/2023, bị đơn là anh Hồ Văn P trình bày: Về quan hệ hôn nhân như chị T đã trình bày là đúng. Về nguyên nhân mâu thuẫn thì sau khi kết hôn, vợ chồng anh chung sống với nhau hạnh phúc một thời gian dài, đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị T hay tìm cớ gây gổ anh, cho rằng anh ham nhậu nhẹt, rượu chè và có quan hệ yêu đương ngoài luồng. Thực tế thì anh cũng có nhậu nhẹt, cũng có bạn gái nhưng chưa đến mức như chị T nói là trầm trọng. Anh vẫn thương vợ con và không từ bỏ trách nhiệm của mình đối với gia đình, nên chị Trúc cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng là không đúng. Anh muốn đoàn tụ vợ chồng nhưng nếu chị T cương quyết xin ly hôn thì anh cũng đồng ý thuận tình ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh P xác nhận vợ chồng có 03 con chung theo lời khai trên của chị T là đúng. Nếu ly hôn anh đồng ý giao cháu Hồ Văn Quốc V cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng theo nguyện vọng của chị Trúc và anh sẽ không cấp dưỡng nuôi con do chị T không có yêu cầu. Đối với hai cháu T và V hiện đã thành niên nên việc ở với ai là quyền của các cháu, anh không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh P khai vợ chồng anh không có nợ chung.

Tại biên bản xác minh ngày 11/11/2022, chính quyền địa phương phường T, thành phố cho biết: Chị T và anh P chung sống với nhau tại 09 đường H, phường T, thành phố Huế. Về mâu thuẫn giữa vợ chồng giữa chị T và anh P là có thật nhưng vì lý do gì thì địa phương không nắm rõ.

Tại phiên tòa, chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn anh P, được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa, anh Phụng không đồng ý ly hôn với chị T và đề nghị Tòa án tạo điều kiện cho anh một thời gian để anh tìm cách đoàn tụ vợ chồng; Trong trường hợp ly hôn, anh P đồng ý giao cháu Hồ Văn Quốc V cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và anh sẽ không cấp dưỡng nuôi con do chị T không có yêu cầu.

Về việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế có ý kiến:

[1] Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

- Đối với nguyên đơn: đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 234 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với bị đơn: đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội để giải quyết theo hướng: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Hà Thị Thanh T.Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị Thanh T được ly hôn anh Hồ Văn P; Về con chung: Do các con của anh P và chị T là Hồ Ngọc Phương T và Hồ Văn Quốc V đã thành niên nên Viện kiểm sát không xem xét; Giao cháu Hồ Văn Quốc V cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng anh P chị T không yêu cầu Toà án giải quyết nên Viện kiểm sát không xem xét. Về án phí: Buộc nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Hà Thị Thanh T khởi kiện xin ly hôn anh Hồ Văn P có nơi cư trú: 09 đường H, phường T, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Do đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

[2] Về nội dung:

[2.1] Anh P và chị T có quá trình chung sống với nhau, trên cơ sở tự nguyện, hai bên đã đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế theo chứng nhận kết hôn vào ngày 29/11/2000 (số 147/2000). Do đó, đây là hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Về yêu cầu xin ly hôn của chị T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Chị T và anh P kết hôn từ năm 2000. Quá trình chung sống với nhau ngay sau khi sinh con đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp tính nhau, bất đồng quan điểm sống, tình trạng mẫu thuẫn kéo dài dẫn đến tình cảm vợ chồng phai nhạt dần. Tại phiên tòa, mặc dù phía anh P có nguyện vọng đoàn tụ nhưng không đưa ra được giải pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Trên thực tế vợ chồng đã sống ly thân, không quan tâm gì đến nhau nữa. Nhận thấy, tình nghĩa vợ chồng giữa chị T và anh P không còn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trúc. Cho chị T được ly hôn với anh P.

[2.3] Về con chung: Anh P và chị T có 03 con chung là Hồ Ngọc Phương T, sinh ngày 05/4/2001, Hồ Văn Quốc V, sinh ngày 03/7/2003 và Hồ Văn Quốc V, sinh ngày 25/6/2013.

Đối với cháu T và cháu V đến nay đã thành niên, không bị mất năng lực hành vi dân sự và không ai có yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với cháu Hồ Văn Quốc V, tại phiên tòa hôm nay, chị T và anh P đã tự nguyện thỏa thuận giao cháu V cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, căn cứ vào Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của anh chị: Giao cháu V cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến đủ 18 tuổi, là cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu V.

[2.4] Về cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn: Do chị T không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Anh P chưa thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[2.5] Về tài sản chung và nợ chung: Do chị T và anh P không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.6] Về án phí ly hôn: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0004434 ngày 16/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế. Chị T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn là chị Hà Thị Thanh T đối với anh Hồ Văn P về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con".

Chị T được ly hôn với anh P.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Hà Thị Thanh T và anh Hồ Văn P: Giao cháu Hồ Văn Quốc V, sinh ngày 25/6/2013, cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở.

Anh P chưa thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự

và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2004; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đối với cháu Hồ Ngọc Phương T, sinh ngày 05/4/2001 và cháu Hồ Văn Quốc V, sinh ngày 03/7/2003 đến nay đã thành niên, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Do chị Hà Thị Thanh T và anh Hồ Văn P không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí ly hôn: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0004434 ngày 16/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế. Chị Trúc đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh TTHuế;*
- *VKSND thành phố Huế;*
- *Chi cục Thi hành án TP Huế;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ, lưu dán.*

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Huế